

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-12-2022

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1988; ĐKKK: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Hiện đang ở: Số 464A MP, phường 9, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị H và anh Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2022 và tại bản tự khai, các đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống do tính tình hai bên không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay, chị H ở lại thành phố Hồ Chí Minh cùng các con còn anh Q chuyển về xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung: Chị H và anh Q có hai con chung Lê Thị Hồng Đ1, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quang M1, sinh ngày 01/02/2011, hiện nay cả hai con chung đều đang học tập sinh sống cùng chị ở Thành phố Hồ Chí Minh và chị xác nhận các cháu đều rất trưởng thành, phát triển tốt cả về thể chất, tinh thần. Ly hôn chị H đề nghị giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thăm nom, chăm sóc con chung và thay đổi nuôi con đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Q không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Vì hoàn cảnh ở xa nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.

Theo bản tự khai đề ngày 17/11/2022 và trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn – anh Lê Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về cách sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ năm 2017 anh và chị H đã sống ly thân và anh đã chuyển về quê ở xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống, từ đó đến nay hai anh chị không còn quan tâm hỏi han đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị H. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy không tiến hành hòa giải và giải quyết cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung Lê Thị Hồng Đ1, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quang M1, sinh ngày 01/02/2011, hiện nay cả hai con chung đều đang sống cùng chị H và đều có nguyện vọng ở với mẹ nên anh đề nghị giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Văn Q; Về quan hệ con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Thị Hồng Đ1, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quang M1, sinh ngày 01/02/2011, chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H và anh Lê Văn Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 13/4/2009. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì anh thấy vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn cần xử cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh Q đều xác định vợ chồng có hai con chung là Lê Thị Hồng Đ1, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quang M1, sinh ngày 01/02/2011. Ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đ1 và M1, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q cũng đồng ý với đề nghị của chị H vì hiện nay hai cháu đang được chị H nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các đương sự trong vụ án cũng như cháu Đ1 và cháu M1 có đơn xin ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của hai con chung, căn cứ vào các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao hai con chung Lê Thị Hồng Đ1 và Lê Quang M1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận đề nghị của chị H về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Q đều xác nhận không có nợ chung, không có tài sản chung và đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Chị H và anh Q có hai con chung là Lê Thị Hồng Đ1, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quang M1, sinh ngày 01/02/2011. Ly hôn, giao cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Thị Hồng Đ1 và Lê Quang M1, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004299 ngày 04/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, nghĩa vụ chịu án phí của chị H đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Long An;
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh